

Bản án số: 70/2017/HSST

Ngày: 30/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Minh Yên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Nguyễn Thị Lan.
 2. Ông Nguyễn Hải Nam.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.
- *Đại diện VKSND huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58 /2017/HSST ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Đoàn Văn T**, sinh năm 1956.
ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.
Trình độ văn hóa: 7/10.
Con ông: Đoàn Văn C (Đã mất) và bà Nguyễn Thị N.
Vợ: Phạm Thị X, có 3 con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi.
Tiền án, tiền sự: Không
Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.
2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978.
ĐKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Nghề nghiệp: Lao động tự do.
Trình độ văn hóa: 7/12.
Con ông: Nguyễn Huy T và bà Lê Thị Đ.
Vợ: Vũ Thị L, có 3 con, con lớn 15 tuổi, con nhỏ 4 tuổi.
Tiền án, tiền sự: Không.
Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 4/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn C, mẹ đẻ: Nguyễn Thị D.

Vợ: Phạm Thị L, có 4 con, con lớn đã trưởng thành trên 18 tuổi, con nhỏ 3 tuổi.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Văn B, sinh năm 1993.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông: Đặng Văn T và bà Đoàn Thị C.

Vợ: Phạm Thị T.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn V (Tên gọi khác Nguyễn Văn H), sinh năm 1987.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 9/12.

Con ông: Nguyễn Văn S và bà Lê Thị T.

Vợ: Nguyễn Thị Y; có 2 con, lớn 5 tuổi, nhỏ 3 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Đoàn Văn T1, sinh năm 1982

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Con ông: Đoàn Văn L và bà Lê Thị L.

Vợ: Nguyễn Thị T; có 2 con, lớn 5 tuổi, nhỏ 3 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Đoàn Văn H**, sinh năm 1983.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 11/12.

Con ông: Đoàn Văn H2 và bà Đoàn Thị H.

Vợ: Nguyễn Thị X; có 2 con, lớn 5 tuổi, nhỏ 1 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị L, sinh năm 1978.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 4/12.

Con ông: Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị N.

Chồng: Lê Trọng H (Đã ly hôn); có 2 con, lớn đã trưởng thành trên 18 tuổi, nhỏ 11 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. **Lê Văn Lưu**, sinh năm 1981.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: 12/12.

Con ông: Lê Văn X và bà Đoàn Thị L.

Vợ: Lê Thị H; có 2 con, lớn 11 tuổi, nhỏ 5 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. **Đoàn Văn G**, sinh năm 1969.

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa: Lớp 7/10.

Con ông: Đoàn Văn N và bà Đoàn Thị O.

Vợ: Lê Thị Đ; có 4 con, lớn đã trưởng thành trên 18 tuổi, nhỏ 10 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 20/5/2017 đến ngày 23/5/ 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn H*), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H,

Nguyễn Thị L, Lê Văn Lưu, Đoàn Văn G bị VKSND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng hơn 14 giờ ngày 20/5/2017, Đoàn Văn T1, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V, Đoàn Văn H, Nguyễn Văn T đến nhà Đoàn Văn T ngồi chơi uống nước. Trong khi ngồi chơi, các đối tượng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng (Không xác định được người rủ) cả bọn đồng ý, khi đó có người hỏi T “ Cho chúng cháu vui chơi tí”. T hiểu ý là cho mọi người đánh bạc nên đồng ý, có người bảo T mua bộ bài tú lơ khơ để làm công cụ đánh bạc. T đi ra đoạn đường gần nhà mua của người phụ nữ bán hàng rong bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q bài với giá 4.000đồng đem về nhà đưa cho các đối tượng để đánh bạc. T, B, V, H, T đi lên tầng hai nhà T, ngồi trên chiếu đã được trải sẵn ở nền nhà và bắt đầu đánh bạc trái phép được thua bằng tiền bằng hình thức đánh liêng. Mọi người thống nhất mức thấp nhất (Trống cửa) là 10.000 đồng, “Tổ tiền” tiếp theo không quá 50.000đồng/ ván, T không đánh bạc mà ngồi xem. Sau đó có Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G, Nguyễn Văn Q cũng đến nhà T tham gia đánh bạc. Đến 14 giờ 40 phút ngày 20/5/2017 lực lượng công an huyện Gia Lộc phối hợp với công an xã T, huyện G đã phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc. Thu giữ trên chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q bài và số tiền 7.300.000đồng.

Về số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc như sau:

-Nguyễn Văn T sử dụng 1.500.000đồng, Nguyễn Văn Q 1.500.000đồng, Nguyễn Thị L 700.000đồng, Lê Văn L 600.000đồng, Đặng Văn B 500.000đồng, Nguyễn Văn V (H) 500.000đồng, Đoàn Văn T1 500.000đồng, Đoàn Văn H 500.000đồng, Đoàn Văn G 500.000đồng. Như vậy tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là 6.800.000đồng, thực tế số tiền thu trên chiếu bạc là 7.300.000đồng, chênh lệch 500.000đồng. Kết thúc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Gia Lộc không chứng minh được số tiền chênh lệch là của ai.

Tại bản cáo trạng số 58/VKS-HS ngày 14/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc truy tố các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (Nguyễn Văn H), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn

B, Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn H*), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G phạm tội: Đánh bạc.

- Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn B. Xử phạt bị cáo Đặng Văn B từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ (Được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, **khoản 2** Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn H*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T1. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ (Được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung quỹ Nhà nước.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn H. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H số tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Tiền phạt được nộp một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L số tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Tiền phạt được nộp một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn L. Xử phạt bị cáo Lê Văn L số tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Tiền phạt được nộp một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn G. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn G số tiền từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Tiền phạt được nộp một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

- Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 248, khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự: Phạt các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn H*), Đoàn Văn T1 mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng **Điểm a, b** khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; **điểm a, c, d** khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ

- Tịch thu số tiền 7.300.000 đồng sung quỹ Nhà nước

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí. Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 **về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn Hưng*), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn T bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo;

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 14 giờ 40 phút, ngày 20/5/2017, tại nhà ở của Đoàn Văn T ở thôn Vô Lượng, xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bị cáo

Đoàn Văn T đã đồng ý và đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ để cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (H), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. Đến khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q bài và số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 7.300.000đồng.

Bị cáo Đoàn Văn T tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với 09 bị cáo khác nhưng T là người cho mượn địa điểm tầng 2 của nhà mình, đi mua công cụ (Bộ bài tú lơ khơ) để cho 09 bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên T phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với các bị cáo khác về tội Đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (H), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G trực tiếp tham gia đánh bạc và khai nhận mang đi sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.800.000đồng, khi bị bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 7.300.000đồng, chênh lệch so với tổng số tiền các bị cáo khai, tuy không chứng minh được số tiền chênh lệch 500.000đồng là của ai, xong các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 7.300.000đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo T, T, Q, B, V (H), Thanh, H, Lương, L, G đã đủ yếu tố cấu thành tội: Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Xác định Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trong khi Nhà nước ta coi đánh bạc là tội phạm hình sự, là một tệ nạn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các vi phạm pháp luật khác nên việc xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung có hiệu quả.

Xét tính chất hành vi, vị trí vai trò các bị cáo trong vụ án thấy: Đây là vụ án có đồng phạm tham gia nhưng không có sự cấu kết, bàn bạc nên được xác định là đồng phạm giản đơn. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được bị cáo nào đề xuất việc đánh bạc, thời gian, số lần đánh bạc của từng bị cáo, HĐXX xem xét trên cơ sở lời khai của các bị cáo kết hợp với số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, số tiền thu giữ trên chiếu bạc khi bị bắt để đánh giá vị trí vai trò đối với các bị cáo. Về vị trí vai trò đồng phạm thì bị cáo T tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng T là người cho mượn địa điểm, đi mua bộ bài làm công cụ để cho 09 bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình nên T giữ vai trò độc lập trong vụ án. Bị cáo T có số tiền sử dụng đánh bạc 1.500.000đồng và thời gian tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên T giữ vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo Q sử dụng số tiền đánh bạc bằng bị cáo T nhưng thời gian đánh bạc ngắn hơn, số tiền

đánh bạc nhiều hơn của bị cáo L(700.000đồng) nên bị cáo Q giữ vai trò thứ ba. Đối với các bị cáo Thanh, Lương, L, B, V (H), H, G có số tiền sử dụng đánh bạc ít và thời gian đánh bạc ngắn nên cùng giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T, Q, B, T, H, L, L đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Đoàn Văn T có bố đẻ là ông Đoàn Văn C được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo Nguyễn Văn Q có bố đẻ là ông Nguyễn Văn C được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo Nguyễn Thị L có bố đẻ là ông Nguyễn Thanh T được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương. Nên các bị cáo T, Q, L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đoàn Văn G có thành tích cứu giúp người bị tai nạn khi tham gia giao thông. Bị cáo Nguyễn Văn V có thành tích xuất sắc trong hoạt động hè và chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2017 được Ban chấp hành Đoàn thanh niên công sản Hồ Chí Minh xã Thống Nhất tặng giấy khen nên HĐXX áp dụng cho bị cáo V, G được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đoàn Văn T ngày 01/02/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc (Số tiền đánh bạc 609.000đồng). Ngày 27/3/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc (Số tiền đánh bạc 45.000đồng). Ngày 03/12/2004 Công an huyện Gia Lộc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. T đã chấp hành xong các Bản án, Quyết định xử phạt hành chính, đã được xóa án tích, xóa tiền sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn V, ngày 08/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. V đã chấp hành xong bản án đã được xóa án tích. Bị cáo Đoàn Văn G ngày 01/02/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (Số tiền đánh bạc 609.000đồng). Ngày 27/3/1998 bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc (Số tiền đánh bạc 45.000đồng). G đã chấp hành xong bản án, đã được xóa án tích. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2013/NQ –HĐTP ngày 06/11/2013 thì thời gian các bị cáo T, V, G được xóa án

tích, xóa tiền sự đến lần phạm tội này cũng đã lâu. Các bị cáo Q, T, B, T, H, L, L đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, thái độ thành khẩn khai báo đều thành khẩn có nhiều tình tiết giảm nhẹ nếu áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo T, V, T, Q theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, B, áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại Điều 30 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo H, L, G, L cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương.

-Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, T, Q, B, V, T đánh bạc trái phép nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H, Lương, G. L do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q bài đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 7.300.000đồng thu giữ trên chiếu bạc, quá trình điều tra đã chứng minh được số tiền 6.800.000đồng các bị cáo sử dụng vào đánh bạc, số tiền còn lại 500.000đồng thu trên chiếu bạc, cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền trên là của ai. Xét đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thuT bộ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị cáo Đoàn Văn T, sinh năm 1956 là người cao tuổi, theo định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị cáo T thuộc trường hợp được miễnT bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn H*), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn L, Đoàn Văn G phạm tội “Đánh bạc”

2. Về hình phạt chính:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T. Xử phạt bị

cáo Đoàn Văn T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn B. Xử phạt bị cáo Đặng Văn B 07 tháng cải tạo không giam giữ (Được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ), còn phải chấp hành 06 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung quỹ Nhà nước. Thời gian khấu trừ bằng thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V (*Tên gọi khác: Nguyễn Văn H*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V (H) 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn T1. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 06 tháng cải tạo không giam giữ (Được trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ), còn phải chấp hành 05 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo sung quỹ Nhà nước. Thời gian khấu trừ bằng thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn H. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H số tiền 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị L. Xử phạt bị cáo

Nguyễn Thị L số tiền 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn L. Xử phạt bị cáo Lê Văn L số tiền 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 30 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Văn G. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn G số tiền 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn V (Tên gọi khác: Nguyễn Văn H) cho UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Đặng Văn B, Đoàn Văn T1 cho UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 248, khoản 2, 4 Điều 30 Bộ luật hình sự: Phạt các bị cáo Đoàn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (H), Đoàn Văn T1 mỗi bị cáo 3.000.000 (ba triệu) đồng sung quỹ nhà nước. Các bị cáo phải nộp tiền phạt bổ sung một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng **Điểm a, b** khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, d khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ bài **tứ lơ khơ** gồm 52 Q bài. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 7.300.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc sung quỹ Nhà nước (Toàn bộ số vật chứng tịch thu cho tiêu hủy và số tiền tịch thu sung quỹ Nhà nước có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2017 giữa Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Q, Đặng Văn B, Nguyễn Văn V (H), Đoàn Văn T1, Đoàn Văn H, Nguyễn Thị L, Lê Văn Lưu, Đoàn Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thẩm. Miễn toàn bộ số tiền 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn T.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại giam Kim Chi – CA tỉnh Hải Dương
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Công an huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang